

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 886/UBND-VX

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 3 năm 2014

V/v bổ sung số liệu và tóm
tắt báo cáo phục vụ Hội
nghị Tỉnh ủy lần thứ 16
(khóa XVIII)

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 11426
ĐẾN	Ngày: 19/3/14
	Chuyên:

Ngày 17/3/2014, Ban cán sự đảng UBND tỉnh có Báo cáo số 226-BC/BCS về Đánh giá tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Báo cáo số 227-BC/BCS về đánh giá tình hình thực hiện một số chính sách xã hội và an sinh xã hội quan trọng. Để đảm bảo số liệu và báo cáo tóm tắt phục vụ Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 16 (khóa XVIII), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Trên cơ sở các Báo cáo nêu trên, giao Sở Tài chính báo cáo tóm tắt khoảng từ 15 - 20 trang, gồm 2 phần: Đánh giá tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và một số chính sách xã hội, an sinh xã hội quan trọng. Hoàn thành và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/3/2014.

2. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo số liệu về xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo Biểu mẫu tại Phụ lục số 1a, 1b (gửi kèm theo Công văn này). Hoàn thành và Báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/3/2014

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ngành có liên quan tổng hợp, báo cáo số liệu về một số chính sách xã hội và an sinh xã hội quan trọng theo Biểu mẫu tại Phụ lục số 02 (gửi kèm theo Công văn này). Hoàn thành và Báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/3/2014.

Yêu cầu Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VPUB: C, PCVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VHXX.nk101

TL. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Hoa

PHỤ LỤC SỐ 1a

Số TT	Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Mục tiêu 2015	Mục tiêu 2020
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: Tỷ lệ học sinh khối ngoài công lập và tự cân đối thu chi				
1	Mầm non				
2	Tiểu học và Trung học cơ sở				
3	Trung học phổ thông				
4	Trung học chuyên nghiệp				
5	Đại học và Cao đẳng				
II	DẠY NGHỀ				
1	Thu dịch vụ của các trường cao đẳng, trung cấp nghề công lập trên tổng kinh phí.				
2	Thu dịch vụ của các trung tâm dạy nghề công lập trên tổng kinh phí.				
3	Tỷ lệ trường ngoài công lập				
4	Sinh viên Cao đẳng và Trung cấp nghề khối ngoài công lập và công lập tự cân đối thu chi				
5	Sinh viên sơ cấp nghề khối ngoài công lập và công lập tự cân đối thu chi				
III	VĂN HOÁ, THỂ THAO				
1	Trung tâm văn hóa thể thao cộng đồng xã phường tự đảm bảo kinh phí				
2	Bình quân thu dịch vụ của các đơn vị văn hóa công lập trên tổng kinh phí hoạt động				
3	Thu dịch vụ của các đoàn nghệ thuật công lập trên tổng kinh phí hoạt động				
4	Dân số tham gia hoạt động TDTT				
5	Dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên				
6	Cơ sở thể thao công lập tự cân đối thu chi				
7	Đơn vị cấp xã có cơ sở luyện tập thể thao				

PHỤ LỤC SỐ 1b

Số TT	Các công trình, dự án thực hiện xã hội hóa	Kinh phí thực hiện năm 2012	Kinh phí thực hiện năm 2013	Ghi chú
1				
2				
Tổng cộng				

PHỤ LỤC SỐ 2

TT	Nhóm chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Mức độ đạt được
I	Bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo				
1	Tạo việc làm, nâng cao thu nhập				
1.1	Tỷ lệ thất nghiệp	%			
1.2	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%			
1.3	Tỷ lệ việc làm khu vực chính thức	%			
1.4	Tỷ lệ việc làm trong nông nghiệp	%			
1.5	LĐ được tạo việc làm mới mỗi năm	Ngàn người			
1.6	LĐ đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	Ngàn người			
1.7	Người nghèo được vay vốn tạo việc làm	Ngàn người			
2	Hỗ trợ giảm nghèo, phát triển sản xuất				
2.1	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân một năm	%			
2.2	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân một năm tại các huyện, xã có tỷ lệ nghèo cao	%			
2.3	Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo	Ngàn đồng			
II	Bảo hiểm xã hội				
1	Tổng số đơn vị tham gia đóng BHXH				
	<i>Trong đó: BHXH bắt buộc</i>				
	<i>Trong đó: BHXH tự nguyện</i>				
2	Tổng số người tham gia đóng BHXH	Người			
	<i>Trong đó: BHXH bắt buộc</i>	Người			
	<i>Trong đó: BHXH tự nguyện</i>	Người			
3	Tổng số người tham gia đóng BHTN	Người			
III	Trợ giúp xã hội cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn				
1	Trợ giúp xã hội thường xuyên				
	Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên	Ngàn người			
	<i>Trong đó, người cao tuổi không có thu nhập và trợ cấp xã hội</i>	Ngàn người			
	<i>Trong đó đối tượng bảo trợ xã hội khác</i>	Ngàn người			
2	Trợ cấp xã hội đột xuất				
	Tỷ lệ người dân được hỗ trợ khi gặp rủi ro	%			
IV	Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản				
1	Bảo đảm giáo dục tối thiểu				
1.1	Phổ cập giáo dục mầm non	tuổi			
1.2	Tỷ lệ đi học tiểu học đúng tuổi	%			
1.3	Tỷ lệ đi học THCS đúng tuổi	%			
1.4	Tỷ lệ đạt trình độ PTTH	%			
1.5	Tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học	%			
1.6	Tỷ lệ sinh viên trên 1 vạn dân	Người			
1.7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%			
1.8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%			
1.9	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên	%			

2	Bảo đảm y tế tối thiểu				
2.1	Tuổi thọ trung bình	<i>Tuổi</i>			
2.2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%			
	<i>Trong đó, nhà nước hỗ trợ toàn bộ</i>	%			
	<i>Trong đó, nhà nước hỗ trợ một phần</i>	%			
2.3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván	%			
2.4	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai từ 3 lần trở lên	%			
2.5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD	%			
2.6	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	0/00			
2.7	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	0/00			
2.8	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%			
2.9	Tổng số bệnh nhân lao/năm	<i>Người</i>			
2.10	Mức giảm số người mắc bệnh lao	%			
	<i>So với năm 2010</i>	%			
	<i>So với năm 2015</i>	%			
3	Bảo đảm nhà ở tối thiểu				
3.1	Hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện nhà ở	<i>Ngàn hộ</i>			
3.2	Diện tích xây dựng nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp ở đô thị	<i>Triệu m2</i>			
3.3	Tỷ lệ học sinh, sinh viên được đáp ứng nhu cầu nhà ở	%			
3.4	Tỷ lệ công nhân lao động tại các khu công nghiệp được đáp ứng nhu cầu nhà ở	%			
4	Bảo đảm nước sạch				
4.1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%			
4.2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt theo tiêu chuẩn của Bộ y tế	%			
5	Bảo đảm thông tin cho người nghèo, vùng nghèo				
5.1	Tỷ lệ xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo phủ sóng phát thanh truyền hình mặt đất	%			
5.2	Tỷ lệ xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có đài truyền thanh xã	%			
5.3	Tỷ lệ xã miền núi vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo có đài truyền thanh xã (21/70)	%			